Luật Tố cáo năm 2018 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 12 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019.

Một số điểm mới của Luật Tố cáo năm 2018 so với Luật Tố cáo năm 2011:

1. **Về phạm vi điều chỉnh**

Luật Tố cáo năm 2018 chỉ nói chung là quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ, bỏ cụm từ “cán bộ, công chức, viên chức” trong [Luật Tố cáo năm 2011](https://trangtinphapluat.com/blog/bai-viet-hay/lap-phap/13-han-che-bat-cap-trong-luat-to-cao-nam-2011/).

Quy định như vậy mang tính chất bao quát, không chỉ tố cáo hành vi của cán bộ, công chức, viên chức mà Luật Tố cáo năm 2018 còn mở rộng đối tượng khác được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

1. **Trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, tổ chức trong việc giải quyết tố cáo (Điều 6)**

Luật Tố cáo năm 2018 không quy định thời hạn cung cấp thông tin, chỉ quy định chung cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung tố cáo theo quy định của pháp luật.

Luật Tố cáo năm 2011 quy định các cơ quan, tổ chức cá nhân đang quản lý, lưu giữ thông tin, tài liệu có liên quan đến việc tố cáo có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu theo yêu cầu của người có thẩm quyền giải quyết tố cáo trong thời hạn (**07 ngày)** , kể từ ngày nhận được yêu cầu.

1. **Về những hành vi bị cấm (Điều 8)**

Luật Tố cáo năm 2018 bổ sung các hành vi sau:

* Phân biệt đối xử trong giải quyết tố cáo;
* Làm mất hồ sơ, tài liệu trong quá trình giải quyết tố cáo;
* Bỏ quy định: “ *vi phạm các quy định khác của pháp luật về tố cáo và giải quyết tố cáo*” quy định tại luật Tố cáo 2011.
1. **Về quyền của người tố cáo (Điều 9)**

Luật Tố cáo năm 2018 bổ sung quy định người tố cáo có quyền rút tố cáo.

1. **Về nghĩa vụ của người tố cáo**

Luật Tố cáo năm 2018 bổ sung quy định: Người tố cáo có trách nhiệm hợp tác với người giải quyết tố cáo khi có yêu cầu.

1. **Quyền và nghĩa vụ của người bị tố cáo (Điều 10)**

Luật Tố cáo năm 2018 bổ sung:

* Người bị tố cáo có quyền được nhận các quyết định về việc gia hạn giải quyết tố cáo, đình chỉ, tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo, tiếp tục giải quyết tố cáo; quyền được giải trình; Được bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp khi chưa có kết luận nội dung tố cáo của người giải quyết tố cáo; Khiếu nại quyết định xử lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
* Người bị tố cáo có nghĩa vụ: Có mặt để làm việc theo yêu cầu của người giải quyết tố cáo.
1. **Nguyên tắc xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo (Điều 12)**

Luật Tố cáo năm 2018 bổ sung:

* Nguyên tắc xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo đối với trường hợp: Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức xảy ra trong thời gian công tác trước đây nay đã chuyển sang cơ quan, tổ chức khác hoặc không còn là cán bộ, công chức, viên chức.
* Tố cáo cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức đã hợp nhất, sáp nhập, chia, tách do người đứng đầu cơ quan, tổ chức sau hợp nhất, sáp nhập, chia, tách mà người bị tố cáo đang công tác chủ trì giải quyết; người đứng đầu cơ quan, tổ chức có liên quan phối hợp giải quyết.
* Tố cáo cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, tổ chức đã bị giải thể do người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý cơ quan, tổ chức trước khi bị giải thể giải quyết.
* Tố cáo cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ do người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức đó giải quyết.
* Luật Tố cáo năm 2018 bỏ nguyên tắc xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo theo Luật Tố cáo năm 2011 trong trường hợp:

***“Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức, viên chức có dấu hiệu tội phạm do cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự”*** ( Khoản 3 Điều 12 luật 2011).

1. **Thẩm quyền giải quyết tố cáo (Mục 1 Chương 3)**

Luật Tố cáo năm 2018 bổ sung quy định chủ tịch UBND cấp huyện, người đứng đầu cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp tỉnh… có quyền Giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cơ quan, tổ chức do mình quản lý trực tiếp.

1. **Về xử lý ban đầu thông tin tố cáo Mục 2 Chương 3**

Luật Tố cáo 2018 quy định rút ngắn thời gian xử lý thông tin ban đầu từ 10 ngày xuống còn 7 ngày (Khoản 1 Điều 24) , kể từ ngày nhận đơn tố cáo cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm vào sổ, phân loại, xử lý ban đầu thông tin tố cáo, kiểm tra, xác minh thông tin về người tố cáo và điều kiện thụ lý tố cáo; trường hợp phức tạp thì 10 ngày (giảm 5 ngày so với Luật Tố cáo 2011).

Luật tố cáo 2018 bổ sung quy định: Trường hợp tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình và được gửi đồng thời cho nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân, trong đó có cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết hoặc trường hợp đã hướng dẫn nhưng người tố cáo vẫn gửi tố cáo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân không có thẩm quyền giải quyết thì cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được tố cáo không xử lý.

1. **Bổ sung quy định về giải quyết tố cáo “*nặc danh*” ( Điều 25)**

Khi nhận được thông tin có nội dung tố cáo nhưng không rõ họ tên, địa chỉ của người tố cáo hoặc qua kiểm tra, xác minh không xác định được người tố cáo hoặc người tố cáo sử dụng họ tên của người khác để tố cáo hoặc thông tin có nội dung tố cáo được phản ánh không theo hình thức quy định tại Điều 22 của Luật Tố cáo 2018 thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không xử lý theo quy định của Luật này.

Trường hợp thông tin có nội dung tố cáo quy định tại khoản 1 Điều này có nội dung rõ ràng về người có hành vi vi phạm pháp luật, có tài liệu, chứng cứ cụ thể về hành vi vi phạm pháp luật và có cơ sở để thẩm tra, xác minh thì cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp nhận tiến hành việc thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền hoặc chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để tiến hành việc thanh tra, kiểm tra phục vụ cho công tác quản lý.

1. **Về trình tự giải quyết tố cáo (Điều 28)**

Luật Tố cáo 2018 4 bước trình tự giải quyết các tố cáo: Thụ lý tố cáo; Xác minh nội dung tố cáo; Kết luận nội dung tố cáo; Xử lý kết luận nội dung tố cáo của người giải quyết tố cáo.

[Luật Tố cáo năm 2011](https://trangtinphapluat.com/blog/bai-viet-hay/lap-phap/13-han-che-bat-cap-trong-luat-to-cao-nam-2011/) quy định 5 bước giải quyết tố cáo:  Tiếp nhận, xử lý thông tin tố cáo; Xác minh nội dung tố cáo;  Kết luận nội dung tố cáo; Xử lý tố cáo của người giải quyết tố cáo; Công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo.

1. **Về thụ lý tố cáo (Điều 29)**

[Luật Tố cáo năm 2018](https://trangtinphapluat.com/blog/t%E1%BB%95ng-h%E1%BB%A3p-van-b%E1%BA%A3n-lu%E1%BA%ADt/t%E1%BB%91-cao/luat-to-cao-nam-2018/)không quy định về thời hạn thụ lý tố cáo như Luật năm 2011. Luật Tố cáo 2018 quy định khi tố cáo có đủ điều kiện quy định thì thụ lý giải quyết . Bổ sung quy định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thụ lý tố cáo, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm thông báo cho người tố cáo và thông báo về nội dung tố cáo cho người bị tố cáo biết.

1. **Thời hạn giải quyết tố cáo (Điều 30)**

Luật Tố cáo năm 2011 quy định thời hạn giải quyết là 60 ngày kể từ ngày thụ lý đơn, Luật Tố cáo 2018 giảm một nữa thời gian giải quyết chỉ còn 30 ngày, kể từ ngày thụ lý đơn.

Trường hợp đặc biệt phức tạp thì được gia hạn 2 lần, mỗi lần không quá 30 ngày,.  Như vậy, so với Luật Tố cáo năm 2011 thời hạn giải quyết tố cáo theo Luật mới giảm một nữa thời gian.

1. **Về rút tố cáo ( Điều 33)**

Quy định mới của Luật Tố cáo 2018, theo đó:

* Người tố cáo có quyền rút toàn bộ nội dung tố cáo hoặc một phần nội dung tố cáo trước khi người giải quyết tố cáo ra kết luận nội dung tố cáo. Việc rút tố cáo phải được thực hiện bằng văn bản.
* Trường hợp người tố cáo rút một phần nội dung tố cáo thì phần còn lại được tiếp tục giải quyết theo quy định của Luật này; trường hợp người tố cáo rút toàn bộ nội dung tố cáo thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 34 của Luật này. Trường hợp nhiều người cùng tố cáo mà có một hoặc một số người tố cáo rút tố cáo thì tố cáo vẫn tiếp tục được giải quyết theo quy định của Luật này. Người đã rút tố cáo không được hưởng quyền và không phải thực hiện nghĩa vụ quy định tại Điều 9 của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.
* Trường hợp người tố cáo rút tố cáo mà người giải quyết tố cáo xét thấy hành vi bị tố cáo có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc có căn cứ xác định việc rút tố cáo do bị đe dọa, mua chuộc hoặc người tố cáo lợi dụng việc tố cáo để vu khống, xúc phạm, gây thiệt hại cho người bị tố cáo thì vụ việc tố cáo vẫn phải được giải quyết.
* Người tố cáo rút tố cáo nhưng có căn cứ xác định người tố cáo lợi dụng việc tố cáo để vu khống, xúc phạm, gây thiệt hại cho người bị tố cáo thì vẫn phải chịu trách nhiệm về hành vi tố cáo của mình, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
1. **Tạm đình chỉ, đình chỉ việc giải quyết tố cáo ( Điều 34)**

 Quy định mới của Luật Tố cáo 2018, theo đó:

* Người giải quyết tố cáo ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo khi có một trong các căn cứ sau đây:

+ Cần đợi kết quả giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác hoặc đợi kết quả giải quyết vụ việc khác có liên quan;

+ Cần đợi kết quả giám định bổ sung, giám định lại.

* Khi căn cứ tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo không còn thì người giải quyết tố cáo ra ngay quyết định tiếp tục giải quyết tố cáo; thời gian tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo không tính vào thời hạn giải quyết tố cáo.
* Người giải quyết tố cáo ra quyết định đình chỉ việc giải quyết tố cáo khi có một trong các căn cứ sau đây:

+ Người tố cáo rút toàn bộ nội dung tố cáo, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật này;

+ Người bị tố cáo là cá nhân chết và nội dung tố cáo chỉ liên quan đến trách nhiệm của người bị tố cáo;

+ Vụ việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc quyết định đã có hiệu lực của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

* Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ việc giải quyết tố cáo phải nêu rõ lý do, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và gửi đến người tố cáo, người bị tố cáo trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định.
1. **Về kết luận nội dung tố cáo (Điều 35)**

Luật Tố cáo 2018 bổ sung nhiều nội dung mới như : Căn cứ pháp luật để xác định có hay không có hành vi vi phạm pháp luật,  Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật. So sánh với Luật Tố cáo 2011 và các văn bản hướng dẫn như sau:

**Thông tư 06/2013/TT-TTCP** hướng dẫn Luật Tố cáo năm 2011 có quy định về gửi dự thảo thông báo kết luận nội dung tố cáo “Trước khi ban hành kết luận nội dung tố cáo, trong trường hợp cần thiết, người giải quyết tố cáo tổ chức cuộc họp để thông báo trực tiếp hoặc gửi dự thảo kết luận nội dung tố cáo để người bị tố cáo biết và tiếp tục giải trình”. Luật 2018 bỏ quy định thông báo dự thảo kết luận nội dung tố cáo.

[**Luật năm 2011**](https://trangtinphapluat.com/blog/bai-viet-hay/lap-phap/13-han-che-bat-cap-trong-luat-to-cao-nam-2011/) chỉ quy định về gửi nội dung kết luận tố cáo mà không quy định thời gian gửi dẫn đến tùy tiện trong việc gửi kết luận nội dung tố cáo.

Luật năm 2018 để quy định cụ thể 5 ngày làm việc phải gửi kết luận nội dung tố cáo, cụ thể: “*Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo gửi kết luận nội dung tố cáo đến người bị tố cáo, cơ quan, tổ chức quản lý người bị tố cáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; thông báo về kết luận nội dung tố cáo đến người tố cáo”.*

1. **Về xử lý kết luận nội dung tố cáo (Điều 36)**

Thông tư 06/2013/TT-TTCP hướng dẫn quy trình giải quyết tố cáo theo  Luật Tố cáo năm 2011 không quy định thời gian xử lý kết luận nội dung tố cáo, dẫn đến tình trạng thời gian xử lý tố cáo dài, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các bên, giảm niềm tin của người tố cáo…Luật Tố cáo 2018 quy định: Chậm nhất là 07 ngày làm việc kể từ ngày ban hành kết luận nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo căn cứ vào kết luận nội dung tố cáo tiến hành việc xử lý.

1. **Về tố cáo tiếp, giải quyết lại vụ việc tố cáo (Điều 37)**

**Luật tố cáo năm 2011** quy định: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được tố cáo tiếp, người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp xem xét, xử lý.[**Luật Tố cáo 2018**](https://trangtinphapluat.com/blog/t%E1%BB%95ng-h%E1%BB%A3p-van-b%E1%BA%A3n-lu%E1%BA%ADt/t%E1%BB%91-cao/luat-to-cao-nam-2018/)tăng thời gian thành 20 ngày, và bổ sung quy định trường hợp cần thiết, làm việc trực tiếp với người tố cáo về nội dung tố cáo tiếp, thu thập thông tin, tài liệu, chứng cứ có liên quan để quyết định xử lý đối với tố cáo tiếp.

Đối với trường hợp quá thời hạn mà tố cáo không được giải quyết, Luật năm 2011 cũng quy định thời hạn để cấp trên trực tiếp xem xét, xử lý là 10 ngày kể từ ngày nhận đơn. Luật 2018 rút ngắn thời gian xem xét, xử lý xuống còn 5 ngày.

1. **Công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo**

Nghị định 76/2012/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Tố cáo 2011 quy định Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo, người giải quyết tố cáo có trách nhiệm thực hiện việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo.

Luật Tố cáo năm 2018 quy định thời hạn  phải công khai nội dung tố cáo chỉ có 7 ngày làm việc.